

MỘT SỐ BIỆN PHÁP LÀM TĂNG ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TẠI HUBT

Đặng Thị Minh Quyên *

Tóm tắt: Động lực là một trong những yếu tố quan trọng trong việc học tiếng Anh. Qua quan sát, trải nghiệm thực tế và trao đổi cùng đồng nghiệp, tác giả nhận thấy động lực học tiếng Anh của đại đa số sinh viên (SV) không chuyên ngữ tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội còn thấp. Tác giả tiến hành tìm hiểu và đề xuất 10 giải pháp thiết thực để giảng viên có thể áp dụng giúp SV có động lực học tiếng Anh hơn.

Từ khóa: Động lực, các loại động lực, tầm quan trọng và các biện pháp tăng động lực học tiếng Anh.

Abstract: Motivation to learn English is one of the important factors in English learning. Through observation, experience and discussion with colleagues, the author found that the motivation to learn English of the majority of non-English major students at Hanoi University of Business and Technology is still low. A library-based research was conducted and as a result, 10 practical ways were recommended for teachers to apply to help students be more motivated to learn English.

Key words: Motivation, types of motivation, importance of motivation and ways to increase motivation to learn English.

1. Mở đầu

Động lực luôn đóng vai trò quan trọng trong việc học, bởi lẽ chúng ta phải muốn làm gì đó, thì mới dễ thành công trong lĩnh vực đó. Nghiên cứu động lực học tiếng Anh của sinh viên (SV) không phải là điều gì mới mẻ. Đã có rất nhiều học giả và nhà nghiên cứu trong và ngoài nước có các nghiên cứu về vấn đề này. Và cũng đã có rất nhiều những gợi ý, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao động lực học cho SV. Là một giảng viên (GV) đứng lớp khá nhiều năm, tác giả đã trải nghiệm, đã quan sát SV của mình, đã trao đổi với đồng nghiệp và nhận thấy động

lực học của đại đa số SV còn thấp. Với mong muốn cùng đồng nghiệp cải thiện động lực học tiếng Anh của SV không chuyên tại HUBT, tác giả tiến hành tìm hiểu và đề xuất một số giải pháp sư phạm thiết thực và cụ thể để từ đó GV có thể áp dụng giúp SV có động lực học tiếng Anh hơn.

2. Động lực và tầm quan trọng của động lực trong việc học

Có rất nhiều định nghĩa về động lực. Vào Google Search, chúng ta gõ từ khóa *definition of motivation in education* thì xuất hiện khoảng 270,000,000 kết quả trả lời trong vòng 0,49 giây. Trong bài viết

* Trường ĐH KD&CN Hà Nội

này, tác giả xin trích dẫn 2 định nghĩa, mà theo tác giả, là dễ hiểu và đơn giản nhất: Harmer (2007) cho rằng, ở mức độ cơ bản nhất, động lực chính là động cơ bên trong thúc đẩy chúng ta làm việc để đạt được cái gì đó, còn Hawthorne (2021) định nghĩa động lực là sự nhiệt tình của chúng ta để làm một cái gì đó. Đó là câu hỏi *tại sao* đằng sau mọi hành động. Động lực là lý do – hoặc các lý do – để chúng ta hành động hoặc cư xử theo một cách cụ thể nào đó. Nó giúp chúng ta đặt ra mục tiêu và đạt được những mục tiêu đó. Thuật ngữ *động lực* bắt nguồn từ động từ tiếng Latinh *movere*, vì vậy, theo đúng nghĩa đen, đó là thứ giúp chúng ta di chuyển.

Từ định nghĩa về động lực, chúng ta đã có thể thấy được tầm quan trọng của nó. Dao (2021) cho rằng động lực là những nhân tố thúc đẩy mỗi cá nhân cố gắng, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ của mình để đạt mục tiêu đã đề ra. Động lực là một trong những yếu tố cần có trong mỗi con người để họ có thể gạt hái được thành công và hạnh phúc trong cuộc sống. Nhóm tác giả của cuốn sách *How People Learn II* lại nhấn mạnh động lực là điều kiện kích hoạt và duy trì hành vi hướng tới mục tiêu. Điều này quan trọng đối với việc học tập và đạt được thành công trong suốt cuộc đời của một cá nhân ở cả môi trường học tập chính thức và môi trường học tập không chính thức.

3. Các loại động lực

Theo Harmer (2007), động lực thường được chia ra làm hai loại: ngoại động lực (extrinsic motivation) và nội động lực (intrinsic motivation), hay nói

cách khác, đó là động lực đến từ bên ngoài (ví dụ: muốn qua kỳ thi) và động lực đến từ bên trong chủ thể (ví dụ: bản thân chủ thể cảm thấy thích thú với việc học). Cherry (2022) cũng nhắc đến hai loại động lực như Harmer. Ngoại động lực là khi chúng ta được thúc đẩy thực hiện một hành vi hoặc tham gia vào một hoạt động vì chúng ta muốn giành được phần thưởng hoặc tránh bị phạt, chứ không phải vì chúng ta thích hay vì chúng ta thấy thỏa mãn, mà vì chúng ta mong nhận lại được điều gì đó hoặc tránh điều gì đó khó chịu. Nội động lực là khi chúng ta tham gia vào một hành vi vì chúng ta thấy nó bổ ích. Chúng ta đang thực hiện một hành động vì lợi ích của chính nó chứ không phải vì chúng ta mong muốn phần thưởng bên ngoài. Bản thân hành vi là phần thưởng.

Hầu hết các nhà nghiên cứu và nhà phương pháp học cho rằng nội động lực thường tạo ra kết quả tốt hơn là ngoại động lực. Tuy nhiên, cả động lực bên ngoài và bên trong đều có tác dụng thúc đẩy hành vi của con người và đóng vai trò quan trọng trong học tập. Nếu như nội động lực giúp người học duy trì việc tập trung học lâu dài, bền bỉ và đầu tư công sức nhiều hơn cho thành quả cho đến khi đạt được mục tiêu, thì ngoại động lực lại giúp người học học hiệu quả hơn trong thời gian ngắn hạn hoặc khiến họ cảm thấy có năng lực hơn trong lớp học, từ đó tăng cường động lực bên trong của họ. Theo bài báo *Intrinsic Motivation* đăng tải trên trang web www.teachingenglish.org.uk/ thì đôi khi người học tham gia một lớp học vì động lực bên ngoài và trở

nên có động lực từ bên trong khi việc học trở nên thú vị và bổ ích.

4. Một số cách làm tăng động lực cho sinh viên

Harmer, J. (2007) nhận định rằng mặc dù nguyên nhân cơ bản của việc học ngoại ngữ là ngoại động lực, nhưng cơ hội thành công sẽ được thúc đẩy, nếu **người học yêu thích quá trình học**. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ tập trung vào một số cách GV có thể áp dụng để làm tăng ngoại động lực cho SV.

Theo gợi ý của Dörnyei, Z. and Csizer, K. (1998) được trích dẫn bởi Spratt, M. et all (2005), thì người dạy có thể áp dụng các cách sau để tăng động lực cho người học.

- a. Tạo tấm gương với hành vi của riêng mình (chính người dạy phải là người có động lực dạy).
- b. Tạo bầu không khí thoải mái dễ chịu trong lớp học.
- c. Trình bày các bài tập và hoạt động học một cách thú vị khiến cho người học có thể làm được.
- d. Xây dựng mối quan hệ tốt với người học.
- e. Nâng cao sự tự tin về học ngôn ngữ của người học.
- f. Làm cho các buổi học thú vị.
- g. Phát huy tính chủ động của người học.
- h. Cá nhân hóa quá trình học tập.
- i. Tăng khả năng định hướng mục tiêu của người học.
- j. Giúp người học làm quen với văn hóa ngôn ngữ mục tiêu.

5. Cụ thể hóa các biện pháp tăng động lực học cho người học trong bối

cảnh giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Khoa Tiếng Anh A, HUBT

a. *Tạo tấm gương với hành vi của riêng mình (chính người dạy phải là người dạy có động lực). GV dạy học với sự nhiệt tình và hứng thú. Sự nhiệt tình và hứng thú đôi khi thể hiện rất rõ qua giọng nói, ngữ điệu trầm bổng của GV, qua nhịp cầu ánh mắt thể hiện sự quan tâm chú ý đến SV, qua ngôn ngữ hình thể để nhấn mạnh ý trong quá trình giảng, qua sự di chuyển trong lớp học để kiểm tra và gắn kết với SV, qua nụ cười tự nhiên của GV. Qua việc đi dự giờ đồng nghiệp, khi ngồi dưới lớp học như SV, tác giả cảm nhận rõ nét GV nào nhiệt tình và say mê với việc giảng, thì SV lớp đó cũng hăng hái tham gia hoạt động học.*

b. *Tạo bầu không khí thoải mái dễ chịu trong lớp học. GV đưa các hoạt động phải đảm bảo người học biết cách thực hiện. Nếu thấy người học lúng túng, GV có thể làm mẫu. Luôn động viên và khen ngợi người học, thậm chí cả người học yếu hơn. Với SV khá giỏi, đôi khi nói các câu dài mới là thành công. Nhưng với SV học yếu hơn, thì nói được 2-3 từ cũng đã là thành công rồi.*

c. *Trình bày các bài tập và hoạt động học một cách thú vị khiến cho người học có thể làm được. Chia nhỏ nội dung bài giảng để SV dễ tiếp thu. Đảm bảo bài giảng luôn có sự thay đổi và được trình bày với tốc độ phù hợp với trình độ của đại đa số SV. Tận dụng tối đa công nghệ hỗ trợ bài giảng. Các bài giảng đưa lên Powerpoint với các hiệu ứng luôn hấp dẫn hơn là SV chỉ nhìn vào sách.*

d. *Xây dựng mối quan hệ tốt với người học.* Luôn tươi vui với SV và sẵn sàng giúp đỡ chỉ bảo khi SV cần trợ giúp. Cố gắng nhớ tên SV và gọi SV bằng tên riêng. Hãy cho tất cả SV cơ hội được phát biểu xây dựng bài và tham gia các hoạt động (tối thiểu mỗi buổi học GV trao cơ hội nói tiếng Anh một lần cho mỗi SV). Tránh làm SV xấu hổ. GV chỉ giao phần bài mà GV biết chắc SV đó làm được.

e. *Nâng cao sự tự tin về học ngôn ngữ của người học.* Đưa các hoạt động không quá khó và hướng dẫn thật cẩn thận cách làm để đảm bảo hầu hết SV có thể làm được. Sử dụng làm việc theo đôi theo nhóm bất kỳ khi nào GV thấy hợp lý để SV có cơ hội học hỏi từ bạn bè và có thời gian chuẩn bị trước khi trả lời trước lớp.

f. *Làm cho các buổi học thú vị.* GV có thể sử dụng games, quizzes trong lớp học. Các trò chơi là cách dạy từ vựng và cấu trúc ngữ pháp hiệu quả cao. Việc sử dụng các trò chơi trên các app như Quizizz hay Kahoot! đã cho thấy sự hào hứng của SV. Có thể có các phần thưởng cho SV hay nhóm SV làm tốt. Tận dụng công nghệ và đặc biệt là các hiệu ứng âm thanh, hình ảnh. Có nhiều hoạt động giao tiếp tương tác. Trong giáo trình Speakout Elementary có rất nhiều hoạt động làm theo đôi: hỏi đề điền thông tin còn thiếu hoặc đóng vai (role play). Những hoạt động này giúp SV ứng dụng ngôn ngữ vừa học được vào thực tế và tăng cường tính tương tác. Đôi khi GV có thể cung cấp các bài tập trên handouts để thay đổi hoạt động tránh nhàm chán.

g. *Phát huy tính chủ động của người học.* Thực hiện mô hình lớp học đảo

ngược. Giao cho người học tự tìm hiểu và nghiên cứu một phần bài ở nhà. Ví dụ như tự nghiên cứu phần lý thuyết và bài tập từ vựng hay ngữ pháp. Khoa Tiếng Anh A đã biên soạn cuốn **Tài liệu hỗ trợ cho giáo trình Speakout Elementary**. Trong cuốn hỗ trợ này, nhóm tác giả biên soạn chú giải ngữ pháp và từ vựng. SV có thể tự học trước ở nhà.

h. *Cá nhân hóa quá trình học tập.* Ngoài các bài đọc trong sách, GV có thể cung cấp các bài đọc với chủ đề mà SV thích. Yêu cầu SV làm thêm ở nhà và chữa bài vào buổi học kế tiếp. Với mỗi chủ đề nói, viết, GV có thể để SV chọn chủ đề mà mình thích. Ví dụ, thay vì yêu cầu SV viết khoảng 100 từ giới thiệu về Hà Nội, thì chúng ta có thể thay bằng viết về thành phố quê hương của SV hoặc thành phố SV yêu thích.

i. *Tăng khả năng định hướng mục tiêu của người học.* Trong ngữ cảnh SV học tiếng Anh tại HUBT như một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo, thì có lẽ, mục tiêu đầu tiên và sát sườn nhất là vượt qua các kỳ thi. Tạo các bài mini test có format giống bài thi thật cuối kỳ và đưa lên các app như Shubclassroom, Quizizz hay Kahoot! để SV làm quen dần cách làm bài thi và cũng là cách giúp SV ôn bài.

j. *Giúp người học làm quen với văn hóa ngôn ngữ mục tiêu.* Cách tốt nhất để làm quen với văn hóa ngôn ngữ mục tiêu là cung cấp cho SV những đoạn phim ngắn giới thiệu về một số các quốc gia nơi mà tiếng Anh là ngôn ngữ chính, như Anh, Mỹ, Úc, v.v. và tất nhiên có kèm theo các bài tập đi kèm theo đoạn phim

đó. Tuy nhiên, để tối ưu việc này, cần có thời gian chuẩn bị và cần có thời gian hướng dẫn SV. Cách này chỉ phù hợp cho câu lạc bộ hoặc lớp tiên tiến. Tuy nhiên, trong lớp học đại trà, GV hoàn toàn lồng ghép thêm văn hóa ngôn ngữ mục tiêu vào bài giảng. Chẳng hạn, cho SV nghe bài hát của ca sĩ Anh, Mỹ đang thịnh hành và điền từ vào chỗ trống. Hay khi lấy hình ảnh minh họa cho từ vựng, chúng ta có thể lựa chọn hình ảnh từ các nước Anh, Mỹ, Úc, v.v. Khi giới thiệu âm thực của các quốc gia, chúng ta cũng có thể chọn các món, như fish and chips của Anh, hamburger của Mỹ.

6. Lời kết

Động lực đóng vai trò quan trọng

Tài liệu tham khảo

1. Cherry, K. (2022) *Extrinsic vs. Intrinsic Motivation: What's the Difference?* Truy cập từ: <https://www.verywellmind.com/differences-between-extrinsic-and-intrinsicmotivation -2795384>
2. Dao, V. (2021). *20+ cách tạo động lực khi bạn rơi vào trạng thái bế tắc*. Truy cập từ: <https://jobsgo.vn/blog/cach-tao-dong-luc/>
3. Hannah Hawthorne (2021). *Understanding the Importance of Motivation in Education*. Truy cập từ: <https://www.highspeedtraining.co.uk/hub/motivation-in-education/>
4. Harmer, J. (2007). *The practice of English Language Teaching*, 4th edition, Longman
5. *How People Learn II Learners, Contexts, and Cultures*. Truy cập từ:
6. *Intrinsic Motivation*. Truy cập từ: <https://www.teachingenglish.org.uk/article/intrinsic-motivation>
7. Spratt, M. et al (2005). *The TKT Teaching Knowledge Test Course*. Cambridge,

trong cuộc sống nói chung và trong học tập nói riêng. Khi có động lực, chúng ta sẽ dành nhiều thời gian và năng lượng để làm việc và học tập, và vì vậy chúng ta có nhiều khả năng đạt được kết quả mong muốn. Là nhà giáo, tạo động lực cho người học chính là một phần công việc của mỗi chúng ta. Đúng như thành ngữ Anh nói “You can lead a horse to water, but you can't make him drink.”, chúng ta không thể ép buộc SV thích học tiếng Anh, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể giúp SV thấy việc học tiếng Anh là thích thú và bổ ích.

Hy vọng, bài viết sẽ nhận được chia sẻ và đóng góp từ các đồng nghiệp trong khoa và trong trường./.